TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HSST
Ngày: 23-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thái

Bà Lò Thị Hiền

- T ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng- T ký Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Hà Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 61/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2023, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lù Văn Q**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 18/9/2003 tại tỉnh Điện Biên, đến ngày phạm tội bị cáo 19 tuổi 02 tháng 10 ngày; nơi cư trú: Bản Y, xã M, thành phố Đ, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; con ông: Lù Văn Ph (Đã chết) và bà Lường Thị Y sinh năm 1970; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị Tòa án nào xét xử; bị tạm giam từ ngày 29/11/2022 sau đó bị tạm giam cho đến nay . "Có mặt"

- *Bị hại*: Chị Quàng Thị Th - sinh năm 2002; địa chỉ: Bản Y, xã M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. "Vắng mặt".

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Anh Cầm Văn Th – sinh năm 2001; địa chỉ: Bản Co Mận, xã Mường Phăng, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. "Vắng mặt".

+ Anh Bùi Đăng Đ – sinh năm 1981; địa chỉ: Bản Trung Tâm, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. "Vắng mặt".

+ Anh Lường Văn C – sinh năm 2001; địa chỉ: Bản Xôm, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 27/11/2022, Lù Văn Q đi bộ theo đường phía sau nhà chị Quàng Thị Th tại bản Y, xã M, thành phố Đ, tỉnh Đnhìn qua cửa sổ thấy 01 chiếc điện thoại đang cắm sạc để ở cuối giường cách cửa sổ khoảng 02 mét. Quan sát không có ai nên Q nẩy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại. Q lấy thanh tre dài 2,67 mét để khều điện thoại hiệu OPPO A54 màu đen làm cục sạc rơi ra, còn dây sạc quấn vào thanh tre, Q rút dây sạc để lại giường rồi lấy điện đi về nhà. Do điện thoại có đặt mật khẩu nên Q tắt nguồn, tháo sim điện thoại để không bị phát hiện rồi để sim và điện thoại trên giường. Khoảng 09 giờ ngày 28/11/2022, Cầm Văn T đến nhà Q chơi nên Q rủ T đi phá khóa và bán điện thoại. T đồng ý, dùng xe máy chở Q đến cửa hàng điện thoại của anh Bùi Đăng Đ tại bản T, xã N, thành phố Đ. Tại cửa hàng có nhân viên của anh Đ là Lường Văn C. Q muốn phá khóa máy điện thoại nhưng anh C nói phải tháo điện thoại mới phá khóa máy được nên Q muốn bán điện thoại. Anh C gọi Đ về. Sau khi thỏa thuận Q đồng ý bán chiếc điện thoại cho anh Đ với giá 1.700.000 đồng, đồng thời hỏi mua một chiếc điện thoại khác nên anh Đ đã bán cho Q một điện thoại OPPO A37 màu vàng đã cũ với giá 1.000.000 đồng và đưa cho Q số tiền 700.000 đồng còn lại. T chở Q về nhà, Q để điện thoại vừa mua trên giường ngủ rồi cùng T đi ăn uống hết số tiền vừa bán điện thoại. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị Th trình báo Cơ quan công an. Đến ngày 29/11/2022, Q bị bắt tạm giam, cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ 01 chiếc điện thoại OPPO A37 màu vàng và 01 sim điện thoại nhà mạng Vinaphone số thuê bao: 0856.689.347.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 50/QĐ ngày 29/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54 màu đen, dung lượng 128GB, số imei 1: 862942052937919, số imei 2; 862942052937901, có giá 3.825.000 đồng; một sim điện thoại nhà mạng Vinaphone số thuê bao: 0856.689.347 có giá 50.000 đồng. Tổng tài sản trộm cắp có giá 3.875.000 đồng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không khiếu nại kết luận định giá nêu trên.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKSTPĐBP ngày 14/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố bị cáo Lù Văn Q về tội "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Quá trình điều tra, bị hại chị Quàng Thị Th trình bày: Ngày 27/11/2022, chị Th có bị mất một chiếc điện thoại màn hình cảm ứng hiệu OPPO A54 màu đen kèm theo 01 sim Vinaphone số thuê bao 0856689347, thuê bao trả trước, tài khoản trong điện thoại còn không đồng. Chiếc điện thoại trên chị mới mua ngày 08/11/2022 với giá 4.500.000 đồng tại Hải Phòng còn sim điện thoại chị mua và sử dụng từ năm 2015. Trưa ngày 27/11/2022, chị Th có sạc chiếc điện thoại trên ở cuối giường trong phòng ngủ hai vợ chồng tại bản Y, xã M, thành phố Đrồi đi sát thóc trong bản đến 13 giờ cùng ngày đi về thì phát hiện mất chiếc điện thoại, chỉ còn củ sạc và dây sạc trên đệm. Lúc đi sát thóc, trong nhà không có ai. Ngoài chiếc điện thoại trong có sim như

miêu tả, chị không bị mất tài sản gì khác. Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 thanh tre vỏ màu vàng dài 2,67 mét; 01 củ sạc hình vuông; 01 dây sạc (bộ dây sạc này đi kèm với điện thoại OPPO A54 khi chị Th mua). Đến ngày 09/12/2022, cơ quan điều tra đã trả lại : 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54 màu đen, dung lượng 128 GB; 01 sim điện thoại nhà mạng Vinaphone số thuê bao: 0856689347; 01 thanh tre vỏ màu vàng dài 2,67 mét; 01 củ sạc hình vuông và 01 dây sạc là bộ dây sạc đi kèm với điện thoại OPPO A54; cho chị Th là chủ sở hữu của các tài sản trên. Chị Th đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Tại phiên tòa, chị Th vắng mặt có lý do và có đơn trình bày xin giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Cầm Văn T trình bày:

T là bạn bè với bị cáo. Khoảng 09 giờ ngày 28/11/2022 T có đến nhà Q chơi và được Q rủ đi phá khóa và bán chiếc điện thoại cùng Q. T không biết chiếc điện thoại do Q trộm cắp mà có, T có hỏi thì Q nói điện thoại của mẹ bị cáo, dặn T không được nói cho ai biết. T đồng ý chở Q đi bằng chiếc xe máy của T đến cửa hàng điện thoại Đ Thọ tại bản Trung tâm xã Nà Tấu. T đi vào trong quán cùng Q, thấy Q trao đổi mua bán điện thoại với anh Đ và một người đàn ông tên C, được bao nhiêu tiền thì T không biết, Q cũng không chia tiền bán điện thoại cho T. Sau khi bán xong, Q có rủ T đi ăn uống nhưng không còn nhớ địa điểm nào, Q là người trả tiền.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Đăng Đ trình bày:

Đ là chủ cửa hàng điện thoại Đ Thọ thuộc bản Trung tâm xã Nà Tấu thành phố Đ. Khoảng 11 giờ 20 phút ngày 28/11/2022, nhân viên của Đ tên Lường Văn C có gọi điện cho Đ nói có người muốn bán điện thoại và bảo Đ về xem. Khi về tới cửa hàng, Đ thấy hai thanh niên, sau này biết là Q và T, C đưa cho Đ xem một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54, màu đen, màn hình khóa mật khẩu số, không lắp sim. Đ có hỏi C sao khóa mật khẩu màn hình thì Q nói trong lúc uống rượu say cài mật khẩu nên quên và muốn bán. Đ không biết điện thoại trên do trộm cắp mà có nên đã đồng ý mua với giá 1.700.000 đồng. Q muốn mua lại một chiếc điện thoại tại cửa hàng giá 1.000.000 đồng nên Đ đã bán cho Q một chiếc điện thoại OPPO A37 màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng và đưa lại số tiền 700.000 đồng còn thiếu cho Q. Đến ngày 29/11/2022, cơ quan Công an mời Đ lên làm việc, Đ mới biết chiếc điện thoại đó do Q trộm cắp mà có nên đã tự nguyên giao nộp cho cơ quan công an. Anh Đ đề nghị bị cáo trả lại mình số tiền đã bỏ ra để mua tài sản trộm cắp là 1.700.000 đồng hoặc trả cho anh Đ chiếc điện thoại OPPO A37 màu vàng cùng số tiền 700.000 đồng. Tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt có lý do và có đơn trình bày xin giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, đề nghị được nhận lại chiếc điện thoại OPPO A37 màu vàng và buộc bị cáo trả số tiền 700.000 đồng. Anh Đ không yêu cầu bồi Tòng thiệt hại gì.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lường Văn C trình bày:

C là nhân viên bán điện thoại của cửa hàng điện thoại Đại Thọ thuộc bản Trung tâm xã Nà Tấu thành phố Đ. Lời khai của C thống nhất với lời khai của Đ tại cơ quan

điều tra về việc trao đổi mua bán điện thoại với bị cáo. C cũng không biết chiếc điện thoại do trộm cắp mà có, không được hưởng lợi gì. Tại phiên tòa, anh C vắng mặt có lý do và có đơn trình bày xin giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, anh C không yêu cầu bồi thường thiệt hại, cũng không có ý kiến hay đề nghị gì.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51 BLHS; xử phạt bị cáo từ 07 tháng đến 10 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về vật chứng: đề nghị chấp nhận trả lại chiếc điện thoại OPPO A37 cho anh Bùi Đăng Đ. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị buộc bị cáo trả cho anh Bùi Đăng Đ 700.000 đồng. Về án phí: buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

4. Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã nhận thấy việc làm của mình là sai trái, vi phạm pháp luật; xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về sự vắng mặt của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Th, anh T, anh Đ, anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt không có lý do còn chị Th, anh Đ, anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra, chị Th, anh T, anh Đ, anh C đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo Lù Văn Q, của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để xác định: Vào khoảng 12 giờ ngày 27/11/2022, tại khu vực bản Y, xã M, thành phố Đ tỉnh Đ, Lù Văn Q đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt một chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A54 có kèm theo một sim điện thoại có tổng giá trị là 3.875.000 đồng, với lỗi cố ý trực tiếp.

Khoản 1 Điều 173 BLHS quy định:

"*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữa đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"*.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điều luật đã viện dẫn ở trên.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị hại có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về nhân thân, trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo không có tiền án, tiền sự. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Mức hình phạt và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng đối với bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 BLHS thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo có nghề nghiệp làm ruộng, thu nhập không ổn định, không có tài sản gì đáng kể, do đó HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Vật chứng, trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác:

Vật chứng là 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54 màu đen; dung lượng 128 GB, số imei 1: 862942052937919, số imei 2; 862942052937901; 01 sim điện thoại nhà mạng Vinaphone số thuê bao: 0856689347; 01 thanh tre vỏ ngả màu vàng dài 2,67 mét, dày khoảng 0,5 cm, bản rộng nhất 05 cm; 01 bộ dây sạc điện thoại di động màu trắng, trong đó gồm: củ sạc hình vuông, trên củ sạc có chữ "MI", dây sạc dài 01m, một đầu dây có cổng sạc USB, đầu còn lại có cổng sạc Type C; Cơ quan điều tra đã trả cho người bị hại theo đúng quy định của pháp luật, nên HĐXX không đề cập xử lý.

Đối với chiếc điện thoại OPPO A37 màu vàng là vật chứng thu giữ tại nhà của bị cáo: đây là chiếc điện thoại mà bị cáo có được khi trao đổi tài sản trộm cắp với chủ cửa hàng (anh Bùi Đăng Đ), tuy nhiên anh Đ không biết chiếc điện thoại OPPO A54 mà bị cáo mang ra trao đổi là tài sản trộm cắp mà có nên mới xác lập giao dịch với bị cáo. Do đó, giao dịch trên vô hiệu. Anh Đ có đơn đề nghị xin được nhận lại chiếc điện thoại OPPO A37 màu vàng và buộc bị cáo trả số tiền 700.000 đồng. Căn cứ khoản 2 điều 47 BLHS; Điều 122, 123, 131 BLDS; HĐXX chấp nhận: Trả lại chiếc điện thoại OPPO A37 màu vàng cho anh Bùi Đăng Đ và buộc bị cáo có nghĩa vụ trả số tiền 700.000 đồng cho anh Bùi Đăng Đ.

Chị Quàng Thị Th sau khi nhận lại tài sản bị trộm cắp không yêu cầu bị cáo bồi Tòng nên HĐXX không xem xét.

Anh Cầm Văn T, Bùi Đăng Đ và Lường Văn C không biết việc bị cáo trộm cắp chiếc điện thoại của chị Thủy nên cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý, HĐXX không

xem xét.

[6] Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; khoản 2 Điều 47; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào Điều 122, 123, 131, 357, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào điểm a,c khoản 1 Điều 23; khoản 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo **Lù Văn Q** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo 09 (*chín)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 29/11/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng

Trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu vàng, số imei 1: 864401030253673, số imei 2: 864401030253665, điện thoại đã qua sử dụng cho anh Bùi Đăng Đ.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/02/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ)

4. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo có nghĩa vụ trả số tiền 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*) cho anh Bùi Đăng Đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành chậm trả tiền thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 23/3/2023. Bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Điện Biên Phủ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQ CSĐT Công an TP Điện Biên Phủ;
- Đội HSNV Công an TP Điện Biên Phủ;
- CQ THAHS Công an TP Điện Biên Phủ;
- Nhà tạm giữ CATP;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- HS Thi hành án HS;
- Chi cục THADS TPĐiện Biên Phủ;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Vụ kiểm tra I;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu; VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thu Trà